

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 26/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính;

2/ Ông Đỗ Văn Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim T2 – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 03 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Trọng S - Sinh năm: 1975 tại Bình Thuận

- Nơi cư trú: khu phố 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Tiểu Thị T; Có vợ và 01 con; Tiền án: Năm 1993 bị Tòa án nhân dân thị xã P tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án sơ thẩm số 09 ngày 13/02/1993; Năm 1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và “không chấp hành quyết định hành chính về lao động bắt buộc” (Bản án phúc thẩm số 41 ngày 24/9/1994); Năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 60 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Gây rối trật tự công cộng” (Bản án phúc thẩm số 68 ngày 04/9/2002); Năm 2008 Tòa án nhân dân thành phố P tuyên phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”. Đến ngày 05/01/2016 S chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích (Bản án sơ thẩm số 152 ngày 20/10/2008); Năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố P tuyên phạt 03 năm

tù về tội “Chống người thi hành công vụ” với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” (theo bản án hình sự sơ thẩm số 186/2016/HSST ngày 30/11/2016); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/6/1993 bị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận ra quyết định số 26 đưa đi tập trung lao động bắt buộc 02 năm tại trại giam SL; Ngày 15/6/2001 bị đưa vào cơ sở giáo dục H theo Quyết định số 57 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận; Ngày 10/6/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Tp. P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm bị cấm” với mức phạt 03 triệu đồng, S đã chấp hành vào ngày 19/6/2016.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Bình Thuận theo bản án số 186/2019/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Phạm Minh T (đã chết) – sinh năm 1995.

Trú tại: khu phố 4, phường P1, thành phố P, tỉnh bình Thuận.

*** Người đại diện theo pháp luật của bị hại:**

1/ Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1975 (Mẹ của bị hại – Có mặt)

Trú tại: Khu phố 9, phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Phạm Hồng T2, sinh năm 1968 (Cha của bị hại – Có mặt)

Trú tại: Khu phố 9, phường P2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

*** Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:**

1/ Ông Lê Anh T, sinh năm 1988 (Có mặt)

Trú tại: Khu phố 06, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P.

2/ Ông Nguyễn A, sinh năm 1988 (Có mặt)

Trú tại: Khu phố 07, phường Đ1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buồng tạm giam E2 của Nhà tạm giữ - Công an Tp. P thuộc địa bàn thôn XP, xã PN, Tp. P. Tại thời điểm ngày 02/01/2017 thì đang tạm giam 04 đối tượng: Lê Trọng S (sinh năm 1975, trú tại khu phố 4, phường Đ), Lê Anh T1 (sinh năm

1988, trú tại khu phố 6, phường B), Nguyễn A (sinh năm 1988, trú tại Khu phố 07, phường Đ1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận), Phạm Minh T (sinh năm 1995, trú tại Khu phố 4, phường P1) (BL: 94, 128).

Trong quá trình giam chung, do S lớn tuổi nên được T1, A, T rất nể sợ và thường gọi là “Bố S” hoặc “Bố Trọng”. Do là đối tượng nghiện ma túy nên có đôi lần T có nhờ S kiếm cho mình ma túy để sử dụng vì nghĩ rằng S có mối quan hệ nào đó có thể giúp kiếm được ma túy, nhưng S từ chối (BL: 126-128).

Khoảng 20 giờ 00 ngày 03/01/2017 sau khi cán bộ nhà tạm giữ tiến hành điểm danh theo quy định thì lúc này T1, A nằm ngay lối đi sát bệ xi măng chuẩn bị ngủ; còn S và T đang ngồi nói chuyện trên bệ xi măng trong tư thế đối diện nhau: T ngồi gần mép ngoài của bệ xi măng xoay lưng về hướng hồ nước, S ngồi xoay lưng về hướng góc trước bên phải của buồng giam thì phát sinh mâu thuẫn, do T nhờ S tìm ma túy cho T sử dụng, nhưng S khuyên T không nên sử dụng ma túy thì T không nghe, dẫn đến S bức tức nên dùng tay tát 02 cái vào mặt của T, rồi dùng chân phải đạp 01 cái vào ngực của T làm T ngã từ bệ xi măng xuống lối đi. Sau khi ngã T ngồi dựa lưng vào vách tường và tiếp tục nói: Tại sao ngăn cấm T, không cho T kiếm ma túy để sử dụng. Thấy T vẫn còn nói nên S từ trên bệ xi măng đi xuống dùng 02 tay nắm vào mặt T 2-3 cái và dùng chân trái đá vào ngực T khoảng 3-4 cái. Do bị đánh đau nên T lên tiếng xin S: “Bố Trọng con biết lỗi rồi”, “Bố Trọng bỏ qua cho con” nên S không đánh T nữa mà lên bệ xi măng nằm ngủ. (BL: 63-69, 104-109).

Đối với A và T1, trong lúc S đánh T thì lúc này A, T1 có biết nhưng không dám dấy can ngăn. T1 nằm im nhắm mắt giả vờ ngủ, riêng A có mở mắt ra và nhìn thấy T đang ngồi dựa lưng vào tường còn S đang đứng trên bệ xi măng đi xuống dùng tay đánh vào mặt và dùng chân đá vào ngực của T, do sợ S nhìn thấy nên A cũng nhắm mắt lại giả vờ ngủ. Đến khoảng 22 giờ 00 cùng ngày A dậy đi vệ sinh thấy T nằm ngay lối đi sát với hồ nước nên lấy gối của T kê đầu cho T ngủ, còn T1 thì lấy khăn lau mặt cho T thì thấy cằm bên trái của T bị rách mũi miệng chảy máu, môi bị dập, mắt bầm tím, trán bị bầm trầy xước, T1 nhìn thấy T vẫn còn thờ bình thường nên đi ngủ tiếp. Đến khoảng 06 giờ 00 ngày 04/01/2017 T1 và A thức dậy vệ sinh cá nhân thấy T nằm gần hồ nước sợ bị ướt nên đã kéo T dịch lên phía trên và kê gối cho T ngủ. Lúc này A và T1 vẫn thấy T còn thờ nên để cho T ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày cán bộ nhà tạm giữ chuẩn bị tiến hành điểm danh thì A thấy T mặt tái đi nên báo cho S biết thì S đưa cho T1 chai dầu nói T1 xoa thái dương và ngực cho T. Khi thoa dầu thì T1 thấy T không còn thờ nữa. Thấy vậy A mới nói với S là gọi cấp cứu thì S nói: “Ừ kêu đi” thì A đá cửa gọi cán bộ y tế xuống kiểm tra thì phát hiện T tử vong. (BL: 63-69, 104-109, 124-135).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 37 ngày 14/02/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận các vết thương trên người của Phạm Minh T:

- Sung nề, bầm tím nhạt vùng trán phải, trán trái. Chấn thương do vật tày gây ra theo hướng từ trước ra sau, với lực tác động rất mạnh.

- Dập niêm mạc môi trên, môi dưới. chấn thương do vật tày gây ra theo chiều hướng từ trước ra sau, với lực tác động trung bình.

- Vết thương rách da dưới cằm trái do vật tày gây ra theo chiều hướng từ dưới lên trên, từ trái S phải, với lực tác động rất mạnh.

- Vết bầm tím mặt bên cổ trái do vật tày gây ra theo hướng từ trái qua phải, với lực tác động trung bình.

- Đa vết thương da nông, hình cung, không đều, không liên tục do vật có cạnh sắc, hình cung gây ra theo chiều hướng từ trước ra sau, từ trái S phải, với lực tác động trung bình.

- 03 vết rách da nông vùng lưng phải do vật tày có cạnh gây ra theo hướng từ sau ra trước, với lực tác động trung bình.

- Dập, tụ máu nhu mô thùy dưới phổi trái. Chấn thương do vật tày gây ra theo chiều hướng từ trái S phải, với lực tác động rất mạnh.

Nguyên nhân chết do: chấn thương sọ não: xuất huyết, tụ máu dưới màng cứng bán cầu não phải, đỉnh đầu trái, phù nề, dập não; xuất huyết tụ máu trong mô não.

Thời gian chết của Phạm Minh T tính đến lúc khám nghiệm tử thi là từ 07 giờ đến 09 giờ.

Nếu nạn nhân được đưa đi cấp cứu kịp thời có thể được cứu sống. (BL: 36)

Tại Công văn số 57 ngày 03/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận trả lời bổ sung: tổn thương phổi của T là do lực tác động từ trước ngực của T gây ra. Các tổn thương vùng lưng của T do vật tày có cạnh gây ra. (BL 33).

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Buồng giam số E2 có mặt trước quay về hướng Bắc, vách bên phải tiếp giáp với buồng giam số 1, vách bên trái tiếp giáp với buồng tạm giữ số 3. Buồng giam được xây bằng xi măng, kích thước: dài 4,5 mét, rộng 2,8 mét, cao 3,57 mét; trần bê tông xi măng, mặt trước bố trí 01 cửa sổ, cánh bằng sắt, có 09 song sắt đứng, 07 song sắt ngang. Tiến hành khám nghiệm và đo đạc bên trong theo hướng từ trước ra sau, phía bên phải là bệ xi măng nằm tráng đá rửa có kích thước (2,9 x 1,85, 0,43) mét. Phía bên trái buồng tiếp giáp với cửa ra vào và lối đi rộng 0,9 mét. Nơi đây phát hiện tử thi T nằm trên chiếu được phủ mền. phía bên trái buồng nơi tiếp giáp với lối đi là hồ nước kích thước: (0,95 x 0,7 x 0,69 x 0,12) mét. Trong quá trình khám nghiệm không phát hiện vật dụng bằng kim loại. (BL: 26-27).

Do tức giận và với mục đích chỉ nhằm để Phạm Minh T sợ mình nên Lê Trọng S mới đánh T. S không có ý thức muốn tước đoạt tính mạng của T.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử lần đầu, bà Trần Thị Hồng Đ (sinh năm 1975, trú tại khu phố 4, phường P1, thành phố P) là đại diện theo pháp luật của người bị hại đã cung cấp thông tin cho cơ quan tiến hành tố tụng về việc có hình ảnh và đoạn video nghi là có liên quan đến hành vi của Lê Trọng S trong việc gây ra cái chết cho nạn nhân Phạm Minh T. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã có công văn số 29, ngày 19/3/2018 gửi Tòa án nhân dân thành phố P về việc rút hồ sơ vụ án hình sự để làm rõ tình tiết mới. Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để làm rõ nội dung bà Trần Thị Hồng Đ đã cung cấp.

Ngày 23/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã tiến hành thu giữ từ Nhà tạm giữ Công an thành phố P 01 điện thoại di động hiệu NEXUS, Model: LG-E960, FCC ID: ZNPE960, số Imel: 356489051361561 là điện thoại Lê Trọng S sử dụng khi đang bị tạm giam tại buồng giam E2. Sau khi vụ án xảy ra, Nhà tạm giữ Công an thành phố P đã lập biên bản tạm giữ chiếc điện thoại di động nhưng không thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng đối với vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh để phục hồi và trích xuất dữ liệu từ điện thoại trên.

Tại bản kết luận giám định số 3534/C09B, ngày 23/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Phục hồi và trích xuất dữ liệu về hình ảnh, video từ điện thoại gửi giám định có nhãn hiệu NEXUS, Model: LG-E960, FCC ID: ZNPE960, số Imel: 356489051361561 (Ký hiệu A). Dữ liệu được sao lưu vào 01 đĩa DVD kèm theo bản kết luận giám định.

Quá trình điều tra bổ sung đã tiến hành kiểm tra nội dung đĩa DVD có chứa nội dung sao lưu sau quyết định nhằm chuyển hóa chứng cứ điện tử đã thu thập được. Kết quả: trong đó có 04 đoạn video có thời điểm ghi hình lần lượt lúc 1 giờ 07 phút (PM); 01 giờ 08 phút (PM); 01 giờ 11 phút (PM); 01 giờ 12 phút (PM) vào ngày 03/01/2017 nhưng không rõ hình ảnh, âm thanh.

Về dân sự: Đại diện theo pháp luật người bị hại Phạm Minh T, bà Trần Thị Hồng Đ (sinh năm 1975, trú tại khu phố 4, phường P1, thành phố P) và ông Phạm Hồng T2 (sinh năm 1968, trú tại khu phố 09, phường P2, thành phố P) là cha, mẹ của T yêu cầu bồi thường chi phí mai táng 75.951.000 (có hóa đơn kèm theo là 49.951.000), tổn thất tinh thần 72.600.000 đồng, tổng cộng 148.191.000 đồng. Ngày 20/6/2018, bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1984, trú tại khu phố 4, phường Đ, thành phố P) là vợ của Lê Trọng S đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại số tiền 60 triệu đồng. Số tiền còn lại là 88.191.000 đồng hiện chưa bồi thường. (BL: 117-123; 357).

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu NEXUS, Model: LG-E960, FCC ID: ZNPE960, số Imel: 356489051361561 hiện đang lưu kèm hồ sơ vụ án.

Với các hành vi nêu trên, ngày 14/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã ra cáo trạng số 14/CT-VKS truy tố Lê Trọng S về tội “Cố ý gây thương

tích” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu lời luận tội và tranh luận: phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S mức án từ 12(mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 02 Điều 56 Bộ luật hình sự đề tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại bản án số 186/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố P, hình phạt chung cho các bản án buộc bị cáo phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu NEXUS, Model: LG-E960, FCC ID: ZNPE960, số Imel: 356489051361561 lưu kèm với hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Viện kiểm sát, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đầy đủ và tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ để buộc tội bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 ngày 03/01/2017 tại buồng giam E2, Nhà tạm giữ Công an Tp. P đang tạm giam Phạm Minh T, Lê Trọng S, Nguyễn A và Lê Anh T1. Do bức tức việc T nhiều lần nhờ S tìm ma túy sử dụng, S đã khuyên nhưng T không nghe lời nên Lê Trọng S đã dùng chân đạp T té ngã và dùng tay, chân đánh

vào người của T, dẫn đến T bị thương tích nghiêm trọng. Do không ai phát hiện Phạm Minh T bị thương nặng nên đến sáng ngày 04/01/2017 mọi người mới đưa T đi cấp cứu thì T đã tử vong do chấn thương sọ não.

Hành vi trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, với tình tiết định khung tăng nặng là “dẫn đến chết người” quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, mức hình phạt cao nhất của cùng tội danh và khung hình phạt tương ứng quy định tại BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thấp hơn. Do đó, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên quyết định truy tố bị cáo Lê Trọng S về tội danh “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: bị cáo là một thanh niên trưởng thành, có đủ nhận thức nhất định về mặt pháp luật. Bị cáo ý thức được tính mạng, sức khỏe của con người là được pháp luật bảo vệ T nhưng chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ mà S đã đánh T nhiều lần, làm cho T bất tỉnh, do không ai phát hiện và không đưa đi cấp cứu kịp thời nên T đã tử vong. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội cần phải xử lý nghiêm, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Lê Trọng S mặc dù không có mong muốn tước đoạt mạng sống của Phạm Minh T nhưng có hành vi sử dụng vũ lực gây thương tích cho T, dẫn đến hậu quả gây ra cái chết cho T. Việc gây thương tích cho T xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Mặt khác, bản thân Lê Trọng S đã nhiều lần bị kết án, gần nhất vào năm 2016 bị Tòa án nhân dân Tp. P xử phạt 03 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (theo bản án số 186 ngày 30/11/2016) với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”, chưa chấp hành xong nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục được một phần bồi thường, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, hành vi trên của Lê Trọng S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố đối

với bị cáo Lê Trọng S về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng điện thoại di động là vật cấm tại nơi giam giữ của Lê Trọng S, Nhà tạm giữ Công an thành phố P đã xử lý bằng hình thức kỷ luật đối với S.

Đối với việc đề xảy ra đánh nhau gây hậu quả nghiêm trọng tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, hiện Phòng điều tra tội phạm tham nhũng, chức vụ trong hoạt động tư pháp thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đang tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

[5]. Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu NEXUS, Model: LG-E960, FCC ID: ZNPE960, số Imel: 356489051361561 lưu kèm hồ sơ vụ án.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện theo pháp luật người bị hại là bà Trần Thị Hồng Đ và ông Phạm Hồng T1 yêu cầu bồi thường chi phí mai táng 75.951.000 (có hóa đơn kèm theo là 49.951.000), tổn thất tinh thần 72.600.000 đồng, tổng cộng 148.191.000 đồng. Ngày 20/6/2018, bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1984, trú tại khu phố 4, phường Đ, thành phố P) là vợ của Lê Trọng S đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại số tiền 60 triệu đồng. Số tiền còn lại là 88.191.000 đồng hiện chưa bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Trọng S đồng ý bồi thường cho đại diện bị hại số tiền còn lại 88.191.000 đồng nên công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo S và đại diện bị hại.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ:** điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Trọng S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- **Xử phạt:** Bị cáo Lê Trọng S 13 (mười ba) năm tù; tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 186/2016/HSST ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố P, buộc bị cáo Lê Trọng S chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/7/2016.

- **Về dân sự:** Áp dụng Điều 584, 585, 591, 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp bị hại: bị cáo S bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền còn lại là 88.191.000 đồng (tám mươi tám triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng).

- **Về án phí:** Bị cáo Lê Trọng S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 4.409.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm. Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (26/3/2019)

Nơi nhận:

- VKSND tp P;
- Công an tp P;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng